

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-PT

Ngày 03/9/2025

V/v “Tranh chấp tài sản sau ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 03/9/2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 16/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 06 năm 2025, về việc: “Tranh chấp tài sản sau ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số: 469/2024/HNGĐ-ST ngày 27/12/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 573/QĐPT, ngày 15 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cao Thị Thùy D, sinh năm 1985; cư trú tại: 131 đường số 10, khu phố Nam Q 1, Phú Mỹ H, phường Tân P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Tân H, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà D: Ông Vĩnh Q, sinh năm 1983; cư trú tại: CH A2.24.01 chung cư City Gate, Võ Văn K, P16, Q 8, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Bình Phú Th, Thành phố Hồ Chí Minh) là người đại diện theo ủy quyền; Văn bản ủy quyền ngày 10/5/2023; có mặt.

- Bị đơn: Ông Thái Phần T, sinh năm 1982; cư trú tại: 3188 Landess Ave APT-D San Jose CA 95132, Hoa Kỳ; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông T: Bà Đặng Dương Ngọc Ng, sinh năm 1999; có mặt và bà Bùi Thị Ch, sinh năm 2001; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Cao ốc Gia H, số 42/5 Hồ Đắc D, phường Tây Th, quận Tân P, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Tây Th, Thành phố Hồ Chí Minh)

là người đại diện theo uỷ quyền; theo Văn bản uỷ quyền ngày 04/6/2025; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T: Ông Đặng Thanh S, thuộc Văn phòng luật sư Trương Q- Chi nhánh DAVILAW thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lục Thị K, sinh năm 1958; cư trú tại: 131 đường số 10, khu phố Nam Q 1, Phú Mỹ H, phường Tân P, Q 7, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Tân H, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

2. Ông Cao Minh H, sinh năm 1983; cư trú tại: 2/1 đường 79, phường Tân Q, Q 7, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 2 phường Tân H, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Huy H, sinh năm 1977; cư trú tại: 101 Nguyễn Đức C, phường Tân Ph, Q 7, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Tân H, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Huỳnh Châu T, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Tổ 38, Tân H, Bàu Ch, huyện Châu Đ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (nay là Tân H, xã Kim L, Thành phố Hồ Chí Minh); có đơn xin xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Thái Phần Tiến là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Đơn khởi kiện ngày 11/5/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 6/10/2023 và tại các bản tự khai, nguyên đơn - bà Cao Thị Thùy D trình bày:

Năm 2016, bà Cao Thị Thùy D và ông Thái Phần T kết hôn với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 11/3/2016 do UBND huyện Nhà Bè cấp. Do hôn nhân không hạnh phúc nên bà D và ông T ly hôn tại Tòa thượng thẩm California, quận Santa Clara, Hoa Kỳ theo Bản án số 20FL003621 ngày 29/10/2021. Sau đó, bà D đã tiến hành ghi chú ly hôn theo Thông báo ghi chú ly hôn số 13/TLGCLH-BS ngày 20/01/2022 của UBND huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi kết hôn với ông T, gia đình bà có thành lập Cty TNHH Happy S do mẹ bà là bà Lục Thị K làm giám đốc, bà vừa là gương mặt đại diện cho Cty vừa thay mặt mẹ thực hiện các giao dịch (nhận tiền từ các đại lý, thanh toán tiền hàng hoặc mua đất theo yêu cầu của mẹ bà). Tài khoản thực hiện các giao dịch gồm tài khoản Ngân hàng Agribank và Ngân hàng Vietcombank mang tên bà. Ngày 26/2/2016 ông Huỳnh Châu T, được cấp giấy chứng nhận môi giới bất động sản, đã giới thiệu cho mẹ bà là Lục Thị K mua 4 lô đất sau:

- Thửa đất số 537, tờ bản đồ số 31, tại phường Tân P, Q 7, Thành phố Hồ Chí Minh (lô này liền kề với thửa 320, 319 mà bà K đã mua trước đây).

- Thửa đất số 1402-70, 1402-71, 1402-72, tờ bản đồ số 06, phường Tân P, Q 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc đi xem đất, giao dịch đặt cọc các tài sản nêu trên được tiến hành trước khi bà D đăng ký kết hôn với ông T và số tiền để mua các tài sản đều bằng nguồn tiền của Cty do mẹ bà D đứng tên. Về việc thanh toán tiền cho các lô đất 1402-70, 1402-71, 1402-72, tờ bản đồ số 06, phường Tân P, Q 7, Thành phố Hồ Chí Minh cho bên bán là ông Đỗ Ngọc Q; bà D chuyển tiền cho ông Q vào ngày 07/03/2016 (trước ngày bà D kết hôn với ông T). Theo thỏa thuận 3 bên gồm bà D (bên mua), ông Quý (bên bán) và Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam thì bà D nộp tiền vào Ngân hàng, Ngân hàng phong tỏa lại đến khi bên bán hoàn tất bộ hồ sơ hoàn chỉnh đứng tên bên mua thì Ngân hàng mới giải ngân cho bên bán, lúc này người bán là ông Q mới nhận được tiền.

Về nguồn tiền để chuyển nhượng bất động sản và xe hơi nêu trên là tiền của cá nhân bà D và gia đình bà D (cụ thể là của bà K – mẹ bà D), Các tài sản được mua trước khi kết hôn với ông Thái Phần T, ông T không có đóng góp nào vào các tài sản nêu trên. (được trích từ sao kê ngân hàng):

Ngày GD TNX Date Số CT Doc No	Số tiền ghi nợ Debit	Số tiền ghi có Credit	Số dư Running Blc	Nội dung chi tiết Transactions in detail
08/04/2016 1L02.00004 2	15.000.000.00 0			CAO THI THUY DUNG TT TIEN DAT LO B2-07 NAM LONG 3 (H11)
12/04/2016 VNCK.3992 72	300.003.300			IBVCB.1204160590887001.dat coc ten xe 151070 xjl 2016
13/04/2016 H834.00002 3	1.000.000.000			CHI DUNG - TT TIEN XE DOT 2 XJL 151070
13/04/2016 H834.00002 1	3.730.000.000		298.669.398	CHI DUNG - TT TIEN MUA XE XJL 151070
11/05/2016 VNCK.8457 69	300.003.300			IBVCB.1105160854502001.dung thanh toan tien dat phu my hung lo 07
12/05/2016 VNCK.9128 45	200.003.300			IBVCB.1205160500701004.dung thanh toan tien dat pmh lo so 7
13/05/2016 VNCK.0072 66	200.003.300			IBVCB.1305160732844001.dung da thanh toan het tien dat cho chu linh lo so 7 pmh
25/05/2016 L985.00003 4	5.300.770.000			CAO THI THUY D CHUYEN TIEN DAT COC THEO HD DAT COC NGAY 25.05.2016 VE VIEC MUA DAT CUA ONG DO NGOC Q

26/05/2016 H834.00009 4	47.700.000.00 0			CAO THI THUY - TT TIEN THUA DAT SO 1402-72;1402-70;1402-71
-------------------------------	--------------------	--	--	---

Bên cạnh đó, vào 09/2015, ông Tiến đã nghỉ việc tại Công ty Sam S và ông chỉ có một tài khoản Ngân hàng ở Vietcombank, trong đó chỉ có số dư 239.531.907 đồng. Bà D cam kết ông T không có bất kỳ đóng góp tiền bạc hay công sức trong việc tạo lập nên các tài sản trong thời kỳ hôn nhân. Thậm chí khi thấy ông T khó khăn bà D có chuyển khoản cho ông T 900.000.000 đồng để ông trang trải cuộc sống, đến tại thời điểm này ông T vẫn chưa hoàn trả số tiền này lại cho bà D (*được trích từ sao kê ngân hàng*).

Ngày GD TNX Date Số CT Doc No	Số tiền ghi nợ Debit	Số tiền ghi có Credit	Số dư Running Blc	Nội dung chi tiết Transactions in detail
24/02/2016 VNCK.218988	300.003.300			IBVCB.2302160470185 001.chuyen tien cho chong
28/02/2016 VNCK.454159	300.003.300		3.475.417.998	IBVCB.2802160066999 001.vo chuyen cho chong
10/03/2016 VNCK.139223	300.003.300			IBVCB.0903160047354 001.vo chuyen cho chong

Hơn nữa, trước khi đăng ký kết hôn với ông T, giữa bà D và ông T có ký thỏa thuận Tiền hôn nhân về việc xác định tài sản chung và tài sản riêng tại Văn phòng công chứng ngày 25/2/2016 cụ thể như sau:- “Tài sản mà mỗi người có trước khi kết hôn, kể cả các tài sản có được trước khi kết hôn nhưng quyền sở hữu tài sản chỉ có thể xác lập sau hôn nhân theo qui định của pháp luật” thì đó vẫn là tài sản riêng của mỗi người.- “ Tài sản được mua bằng tiền riêng của mỗi bên trong thời kì hôn nhân, ví dụ như xe máy, ô tô, bất động sản.. “ là tài sản riêng của mỗi người. Như vậy, về mặt thỏa thuận và thực tế thì các tài sản trên là tài sản riêng của bà D, được mua bằng tiền của bà D và gia đình trước hôn nhân. Do đó, bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định:

1. Thửa đất số 537, tờ bản đồ số 31 tại địa chỉ: phường Tân P, Q 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BK 852438, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH 03760 do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/6/2012, cập nhật đăng bộ ngày 19/4/2016;

2. Thửa đất số: 1402-70 tờ bản đồ số 06, phường Tân P, Q 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AC113783, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T00717/4a do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/3/2007, cập nhật đăng bộ ngày 20/6/2016;

3. Thửa đất số: 1402-71 tờ bản đồ số 06, phường Tân P, Q 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AC113785, số vào sổ cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T00716/4a do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/3/2007, cập nhật đăng bộ ngày 20/6/2016;

4. Thửa đất số:1402-72 tờ bản đồ số 06, phường Tân P, Q 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AK 387220, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T00720/4a do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/10/2007, cập nhật đăng bộ ngày 20/6/2016;

5. Một chiếc xe ô tô Hiệu J số máy: 1013154306P8; số khung: 26A4G8V93422; số loại: XJL; Biển số 51F-651.79.

Là tài sản riêng của bà D, hiện bà đang quản lý, sử dụng. Bà không có ý kiến đối với Chứng thư thẩm định giá của Công ty S đã thẩm định.

Bị đơn trình bày: vắng mặt không lý do.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lục Thị K trình bày: Theo giấy phép đăng ký kinh doanh bà là giám đốc Cty TNHH Happy S, Cty thành lập từ ngày 24/11/2014, do lớn tuổi nên mọi việc điều hành Cty như nhận tiền, thanh toán tiền hàng hoặc mua sắm các tài sản (đất đai nhà cửa, xe cộ) bà đồng ý để bà D đại diện thực hiện, do đó, các tài sản bà D mua đứng tên là từ nguồn tiền hoạt động của Cty, ông T không có đóng góp bất kì tiền bạc hay công sức nào. Sau nhiều lần đi xem đất đến ngày 26/2/2016 thì bà được người môi giới tên là Huỳnh Châu T giới thiệu mua 4 lô đất, chi phí môi giới là 150.000.000đ (bà cũng đã thanh toán xong tiền cho người môi giới). Việc coi đất, thanh toán tiền đều bằng nguồn tiền của bà và thực hiện trước khi bà D và ông T kết hôn. Do đó, nay bà cũng có yêu cầu Tòa xác định khối tài sản trên là tài sản riêng của bà D, chứ không phải tài sản chung vợ chồng bà D, ông T. Tuy nhiên bà cũng không có tranh giành tài sản với bà D, bà đồng ý để bà D đứng tên sở hữu các tài sản trên. Bà xin vắng mặt tại các buổi làm việc của tòa và khi Tòa xét xử vụ án. Bà cam kết không khiếu nại gì về sau.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Cao Minh H trình bày: Theo hợp đồng cho mượn mặt bằng ngày 12/10/2023 giữa ông và bà D, bà D cho ông sử dụng 3 mặt bằng đất trống liền kề 1402-70,71,72, nhằm mục đích trồng coi giữ đất dùm cho bà D, bà D không lấy tiền thuê. Nay được biết bà D đang tranh chấp các thửa đất trên với ông T, ông không có tranh chấp hay yêu cầu gì. Hiện ông cho ông Nguyễn Huy H mượn lại 3 mặt bằng trên, ông cũng không thu phí gì với ông H (có hợp đồng cho mượn mặt bằng); khi nào bà D có yêu cầu trả mặt bằng thì ông H trả ngay.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Huy H trình bày: Theo hợp đồng cho mượn mặt bằng đất ngày 14/10/2023 giữa ông với ông Cao Minh H, ông H có cho ông sử dụng 3 mặt bằng đất tại thửa 1402-70,71,72. Ông có cất lên 1 quán ốc tên là “Ốc gạo“. Việc cho mượn đất không có tính phí mà chỉ để giữ đất, ông cũng biết chủ đất thực sự là bà Cao Thị Thùy D, nếu sau này bà D có yêu cầu ông trả lại 3 mặt bằng đất trên thì ông cũng đồng ý trả cho bà D. Sự việc tranh chấp giữa bà D và ông T, ông không có ý kiến, ông không có tranh chấp hay yêu cầu gì. Ông có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa giải quyết vụ án.

Người làm chứng ông Huỳnh Châu T cho biết: Theo hợp đồng môi giới ông có giới thiệu cho bà Lục Thị Kim mua 4 bất động sản và để cho con là bà Cao Thị Thùy D đứng tên đúng như lời trình bày của bà K và bà D.

Tại Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số: 469/2024/HNGĐ-ST ngày 27/12/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 37; Điều 38; khoản 2 và khoản 4 Điều 147; khoản 4 Điều 207; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 và khoản 1, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Khoản 4 Điều 59; Điều 65 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị Thùy D về việc xác định tài sản riêng của bà trong thời kì hôn nhân bao gồm:

- Thửa đất số 537, tờ bản đồ số 31 tại địa chỉ: phường Tân Ph, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BK 852438, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH 03760 do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/6/2012, cập nhật đăng bộ ngày 19/4/2016 do bà Cao Thị Thùy D đứng tên thuộc sở hữu của bà Cao Thị Thùy D;

- Thửa đất số: 1402-70, tờ bản đồ số 06, phường Tân P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AC113783, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T00717/4a do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/3/2007, cập nhật đăng bộ ngày 20/6/2016 do bà Cao Thị Thùy Dung đứng tên thuộc sở hữu của bà Cao Thị Thùy Dung;

- Thửa đất số: 1402-71, tờ bản đồ số 06, phường Tân Phong, Q 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AC113785, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T00716/4a do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/3/2007, cập nhật đăng bộ ngày 20/6/2016 do bà Cao Thị Thùy D đứng tên thuộc sở hữu của bà Cao Thị Thùy D;

- Thửa đất số:1402-72, tờ bản đồ số 06, phường Tân P, Q 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AK 387220, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T00720/4a do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/10/2007, cập nhật đăng bộ ngày 20/6/2016 do bà Cao Thị Thùy D đứng tên thuộc sở hữu của bà Cao Thị Thùy D;

- Một chiếc xe ô tô Hiệu J số máy: 1013154306P8; số khung: 26A4G8V93422; số loại: XJL; Biển số 51F-651... do bà Cao Thị Thùy D đứng tên chủ sở hữu.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 15/4/202 ông Thái Phấn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung như sau:

1. Bản án sơ thẩm xét xử vắng mặt ông T là không hợp lệ, vi phạm tố tụng.

2. Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chia cho ông T được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung do bà D đang đứng tên chủ quyền trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp là thửa đất 537, tờ bản đồ số 31 và 3 thửa đất 1402-70, 1402-71, 1402-72, tờ bản đồ số 6, tại phường Tân P, Q 7, Thành phố Hồ Chí Minh; một xe ô tô hiệu J., biển số 51F-651...

Tại phiên toà hai bên đương sự không thoả thuận được việc giải quyết vụ án, ông Tiến vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phần tranh tụng ông T trình bày: Trong thời gian ông T ở tại Hoa Kỳ không nhận được Văn bản, Giấy tờ triệu tập của Toà án nhưng lại xét xử vắng mặt ông T là vi phạm thủ tục tố tụng. Căn cứ để ông T yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là năm 2014, ông T sống chung với bà D và đến ngày 11/3/2016 ông T và bà D đăng ký kết hôn; trong quá trình sống chung và kết hôn ông T có công sức tạo dựng từ Hộ kinh doanh Top White từ năm 2014, đến năm 2016 mới đăng ký kinh doanh chính thức; trước khi sống và kết hôn với bà D ông T là trưởng phòng công nghệ thông tin của Công ty Sam S Việt Nam, do bà D thuyết phục ông T về làm ăn với Hộ kinh doanh Top White nên ông T nghỉ việc vào tháng 9/2015; ông T là người đóng góp công sức, trí tuệ và đóng góp tiền như quảng cáo phê bút từ năm 2016 đến năm 2020 là 1,5 tỷ đồng, năm 2017 ông T chuyển vào tài khoản bà D 05 tỷ đồng để duy trì hoạt động của Hộ kinh doanh Top White, năm 2018 tiếp tục chuyển cho bà D 600.000USD, tổng cộng ông T đã đầu tư khoảng 22 tỷ đồng vào Hộ kinh doanh Top White; số tiền bà D mua đất và xe lấy từ Hộ kinh doanh Top White được đăng ký chính thức năm 2016; tài sản tạo lập trong thời kỳ ông T sống chung có con và kết hôn với bà D nên đây là tài sản chung của ông T, bà D; đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo của ông T sửa bản án sơ thẩm và chia cho ông T $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản.

Bà Ng là người đại diện theo uỷ quyền của ông T trình bày bổ sung: Bà D có ký hai hợp đồng độc lập đại diện cho Công ty TNHH Happy S nhưng hợp đồng này không có công chứng, chứng thực nên không có giá trị; các hợp đồng, giấy tờ chuyển tiền mua các tài sản trên bà D cung cấp cho Toà án là không đúng; các tài sản trên mua trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung của ông T, bà D; bà K để bà D đứng tên thay các thửa đất trên là không phù hợp; bà D đứng tên giấy đất trong thời gian ông Tiến, bà D là vợ chồng nhưng bà D đứng tên riêng bà D cũng không đúng quy định. Do đó, thoả thuận ba bên vào ngày 07/3/2016 là không có thật; ông Q là người đại diện theo pháp luật của công ty, khi chuyển nhượng đứng tên cá nhân ông Q là không đúng pháp luật. Theo Điều 48 Luật hôn nhân và gia đình thì tài sản trên chưa đủ căn cứ xác định tài sản riêng của bà D thì đây là tài sản chung của vợ chồng; đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T trình bày: Toàn bộ tài sản trên đều phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông T, bà D; do ông T là người nước ngoài nên Hộ kinh doanh Top White để cho bà D đứng tên kinh doanh là phù hợp; thực tế ông Tiến đã chuyển cho bà D 22 tỷ đồng để kinh doanh, nên đất và xe để cho bà D đứng tên là phù hợp. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa bản án sơ thẩm.

Ông Q là người đại diện theo uỷ quyền của bà D trình bày: Theo các tài liệu bà D đã cung cấp thì các giao dịch, thoả thuận mua các tài sản trên diễn ra trước khi ông T, bà D kết hôn; bằng nguồn tiền của gia đình bà D nên đây là tài sản riêng của gia đình bà D. Ông T trình bày từ năm 2016 đến năm 2020 thuê quảng cáo cho Hộ kinh doanh Top White hết 1,5 tỷ đồng, chi phí này do bà D chi trả có chứng từ cung cấp cho Toà án, ông T cho rằng đã chuyển cho bà D năm 2017 là để mua căn nhà C016 Nam Kỳ Khởi N, không liên quan đến tài sản hiện hai bên tranh chấp, năm 2018 ông T cho rằng đã chuyển cho bà D 600.000USD nhưng không cung cấp tài liệu chuyển tiền. Mặt khác, trước khi kết hôn ông T và bà D có lập Thoả thuận để xác định tài sản chung và tài sản riêng, được Công chứng chứng thực ngày 25/02/2016; theo Thoả thuận trên thì các tài sản hai bên tranh chấp là tài sản riêng của bà D. Đề nghị bác đơn kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Về thủ tục tố tụng những người tiến hành tố tụng, các đương sự tuân thủ đúng theo quy định. Về nội dung kháng cáo của ông T, tại phiên toà ông T trình bày và cung cấp tài liệu chứng minh là người có công sức, chi phí để đầu tư Hộ kinh doanh Top White. Toà án cấp sơ thẩm xác định các tài sản trên là tài sản riêng của bà D là có căn cứ; ông T nếu có tranh chấp tài sản liên quan đến Hộ kinh doanh Top White thì giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà thì thấy:

[1]. Đơn kháng cáo của bị đơn ông Thái Phấn T đúng theo quy định của pháp luật, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Toà án cấp sơ thẩm xác định đây là vụ kiện: “Tranh chấp tài sản sau ly hôn” tài sản là bất động sản tại Việt Nam, bị đơn ông Thái Phấn T hiện đang định cư tại Hoa kỳ nên vụ kiện theo thủ tục sơ thẩm, thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Ông Thái Phấn T hiện đang cư trú tại 3188 Landess Ave APT-D San Jose CA 95132, Hoa Kỳ. Toà án cấp sơ thẩm đã uỷ thác tư pháp Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày mở phiên họp và ngày mở phiên tòa lần 1 và lần 2 cho ông Thái Phấn T (BL: 405, 406); Bộ Tư pháp đã thực hiện uỷ thác tư pháp và theo Công văn số 2044/BTP-PLQT ngày 18/7/2024 của Bộ tư pháp thì các văn bản, thông báo của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tổng đạt trực tiếp cho ông Thái Phấn T vào ngày 28/4/2024, được xem việc triệu tập ông T là hợp lệ nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do nên Toà án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Tiến là có cơ sở. Nay ông T đã kháng cáo bản án sơ thẩm, cung cấp tài liệu để chứng minh cho nội dung kháng

cáo; ông T đã uỷ quyền cho người khác tham gia tố tụng và mời luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông T và ông T cũng có mặt tại phiên tòa phúc thẩm nên đảm bảo quyền tố tụng cho ông T tại phiên tòa. Do đó, không bị xem là vi phạm thủ tục tố tụng, không có căn cứ để huỷ bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4]. Xét về nội dung kháng cáo của ông T yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chia cho ông T ½ trị giá đất và xe ô tô do bà D đứng tên trong thời kỳ hôn nhân thì thấy:

[4.1]. Theo tài liệu Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 11/3/2016 của UBND huyện Nhà B, thì bà Cao Thị Thùy D và ông Thái Phần T là vợ chồng được pháp luật Việt Nam công nhận từ ngày 11/3/2016. Tại Bản án số 20FL003621 ngày 29/10/2021 thì bà D và ông T đã ly hôn tại Tòa thượng thẩm California, quận Santa Clara, Hoa Kỳ; bà D đã tiến hành ghi chú ly hôn theo Thông báo ghi chú ly hôn số 13/TLGCLH-BS ngày 20/01/2022 tại UBND huyện Nhà B.

[4.2]. Tại Hợp đồng môi giới thương mại số 2602/HĐMGTM ngày 26/2/2016, đã thể hiện bên môi giới là ông Huỳnh Châu T (người có giấy chứng nhận về môi giới bất động sản) với bà Lục Thị K, về việc mua bán chuyển nhượng 4 lô đất tại phường Tân P, q 7, thành phố Hồ Chí Minh. Thời hạn thực hiện hợp đồng môi giới là 120 ngày (từ ngày 26/2/2016 đến hết ngày 26/6/2016) là hoàn tất, tiền thù lao là 150.000.000 đồng. Thực hiện hợp đồng ông Tuấn đã giới thiệu để bà Lục Thị K (mẹ của bà Cao Thị D) mua các thửa đất như sau: Thửa số 537, tờ bản đồ số 31, tại phường Tân P, Q 7, Thành phố Hồ Chí Minh với giá là 15.700.000.000 đồng do ông Nguyễn Duy L và bà Huỳnh Thị Kim A đứng tên sử dụng. Thửa số: 1402-70, 1402-71, 1402-72, tờ bản đồ số 06, phường Tân P, Q 7, Thành phố Hồ Chí Minh có giá là 53.000.000.000 đồng của Cty TNHH Kim A do ông Đỗ Ngọc Q đại diện theo pháp luật đứng tên sử dụng.

[4.3]. Thỏa thuận 3 bên ngày 07/3/2016 gồm bà Cao Thị Thùy D (là bên mua), ông Đỗ Ngọc Q (là bên bán) và Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) để đặt cọc chuyển nhượng 3 thửa đất số 1402-70, 1402-71, 1402-72, tờ bản đồ số 06, phường Tân P, Q 7, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà D phải nộp tiền vào tài khoản tiết kiệm của bên bán là ông Đỗ Ngọc Q, Ngân hàng Vietcombank phong tỏa tài khoản này lại cho đến khi bên bán hoàn tất bộ hồ sơ chuyển nhượng hoàn chỉnh thì Ngân hàng mới giải ngân cho bên bán ông Đỗ Ngọc Q. Thực hiện thỏa thuận trên, bà D là người trực tiếp chuyển vào tài khoản Ngân hàng vào các ngày 08/4/2016 là 15.000.000.000 đồng, ngày 11/5/2016 là 300.003.300 đồng, ngày 12/5/2016 là 200.003.300 đồng và ngày 13/5/2016 là 200.003.300 đồng, tổng cộng là 15.700.000.000 đồng để thanh toán cho ông Nguyễn Duy L và bà Huỳnh Thị Kim A là chủ sử dụng thửa số 537, tờ bản đồ số 31, tại phường Tân P, Q 7, Thành phố Hồ Chí Minh với giá là 15.700.000.000 đồng; ngày 25/5/2016 là 5.300.770.000 đồng, ngày 26/5/2016 là 47.700.000 đồng, tổng cộng là 53.00.000.000 đồng để thanh toán cho ông Đỗ Ngọc Q là chủ sử dụng các thửa đất số 1402-70, 1402-71, 1402-72, tờ bản đồ số 06, phường Tân P, Q 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Thửa đất số 537, tờ bản đồ số 31, cập nhật đăng bộ

sang tên bà Cao Thị Thùy D ngày 19/4/2016 và 3 thửa đất số 1402-70, 1402-71, 1402-72, tờ bản đồ số 06, cập nhật đăng bộ cho bà Cao Thị Thùy L ngày 20/6/2016. Ngoài ra, ngày 12/4/2016 và ngày 13/4/2016 bà D chuyển vào tài khoản Ngân hàng Vietcombank tổng cộng 5.000.000.000 đồng để đặt cọc và mua ô tô XJL 151070. Như vậy, có cơ sở việc thực hiện các giao dịch mua các tài sản trên đều thực hiện từ tài khoản cá nhân của bà D tại Ngân hàng Vietcombank và đúng thỏa thuận ngày 07/3/2016, trước khi bà D kết hôn cùng ông T.

[4.4]. Về nguồn tiền để thực hiện việc mua bán chuyển nhượng các tài sản đang tranh chấp: Căn cứ vào hợp đồng nhà thầu độc lập số 0521/HĐHTKD ngày 1/1/2014, hợp đồng 0111/HĐHTKD ngày 1/1/2015 giữa bà Cao Thị Thùy D với Cty TNHH Happy S, bà D là gương mặt đại diện, bà D quản lý toàn bộ hoạt động kinh doanh, quản lý thu chi, tài khoản của bà D sẽ nhận tiền thanh toán từ các đối tác khách hàng. Bà D được hưởng 2,5% trên tổng doanh thu bán hàng, phần còn lại thì thuộc về mẹ của bà là Lục Thị K. Mặt khác, trước khi đăng ký kết hôn với ông T; bà D và ông T có ký Thỏa thuận tiền hôn nhân, để xác định tài sản chung và riêng được Phòng Công chứng, công chứng ngày 25/02/2016, cụ thể:

- *“Tài sản mà mỗi người có trước khi kết hôn, kể cả các tài sản có được trước khi kết hôn nhưng quyền sở hữu tài sản chỉ có thể xác lập sau hôn nhân theo qui định của pháp luật” thì đó vẫn là tài sản riêng của mỗi người.*

- *“Tài sản được mua bằng tiền riêng của mỗi bên trong thời kì hôn nhân, ví dụ như xe máy, ô tô, bất động sản...” là tài sản riêng của mỗi người.*

Đối chiếu nội dung trên thì các tài sản đang tranh chấp bà D thỏa thuận mua trước khi kết hôn với ông T, quyền sở hữu tài sản trên được xác lập sau khi bà D và ông T kết hôn, tài sản trên được mua bằng tiền riêng của bà D. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xác định các tài sản tranh chấp trên là tài sản riêng của bà D là có căn cứ. Ông T kháng cáo cho rằng Thỏa thuận tiền hôn nhân trên không rõ ràng nên bị vô hiệu theo khoản 2 Điều 48 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là không có cơ sở; vì hai bên đã xác định rõ: *Tài sản được mua bằng tiền riêng của mỗi bên trong thời kỳ hôn nhân như xe máy, xe ô tô, bất động sản là tài sản riêng của mỗi người.* Nội dung thỏa thuận rất rõ ràng, được Phòng công chứng, chứng nhận đúng ý chí của hai bên nên có giá trị và không bị vô hiệu.

[4.5]. Tại phiên tòa, ông T cũng xác nhận không có giao dịch, không có tài liệu, chứng cứ ông T đã giao tiền cho bà D mua các tài sản trên. Ông T cung cấp chứng từ ngày 05/12/2017 ông T đã chuyển khoản Ngân hàng SCB 05 tỷ đồng cho bà D và từ năm 2016 đến năm 2020 thông qua Ngân hàng Citibank Việt Nam ông T đã chuyển khoản thanh toán tổng cộng 1,5 tỷ đồng cho dịch vụ quảng cáo Facebook tuyển dụng đại lý Top White trong và ngoài nước. Tuy nhiên, người đại diện hợp pháp cho bà D trình bày năm 2017 ông T có chuyển cho bà D 05 tỷ đồng dùng để mua căn nhà C016 Nam Kỳ Khởi N và đã cung cấp chứng từ bà D đã chuyển tiền cho ông T qua tài khoản Ngân hàng để chi trả chi phí quảng cáo cho Hộ kinh doanh Top White. Hơn nữa, những khoản tiền và chi phí này ông T và bà D trình bày đều thực hiện từ năm 2017 trở về sau, tức là sau khi bà D đã hoàn thành việc mua bán các tài sản trên, không liên quan đến tài sản đang tranh chấp. Ông T cho rằng có công sức, chi phí đầu tư Hộ kinh doanh Top White nên Hộ

kinh doanh Top White do bà D đứng tên chủ hộ kinh doanh từ năm 2022 đến nay lợi nhuận trên hàng trăm tỷ, ông T có tranh chấp thì được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5]. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy lời trình bày của ông Tiến, người đại diện và người bảo vệ quyền lợi cho ông T không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận; quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Ông T không cung được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không chấp nhận đơn kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Do ông T kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

I. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Thái Phấn Tiến; giữ nguyên Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số: 469/2024/HNGĐ-ST ngày 27/12/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 37; Điều 38; khoản 2 và khoản 4 Điều 147; khoản 4 Điều 207; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 và khoản 1, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Khoản 4 Điều 59; Điều 65 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị Thùy D về việc xác định tài sản riêng của bà trong thời kì hôn nhân bao gồm:

- Thừa đất số 537, tờ bản đồ số 31 tại địa chỉ: phường Tân P, Q 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BK 852438, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH 03760 do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/6/2012, cập nhật đăng bộ ngày 19/4/2016 do bà Cao Thị Thùy D đứng tên thuộc sở hữu của bà Cao Thị Thùy D;

- Thừa đất số: 1402-70, tờ bản đồ số 06, phường Tân P, Q 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AC113783, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T00717/4a do UBND Thành phố Hồ Chí

Minh cấp ngày 12/3/2007, cập nhật đăng bộ ngày 20/6/2016 do bà Cao Thị Thùy D đứng tên thuộc sở hữu của bà Cao Thị Thùy D;

- Thừa đất số: 1402-71, tờ bản đồ số 06, phường Tân P, Q 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AC113785, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T00716/4a do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/3/2007, cập nhật đăng bộ ngày 20/6/2016 do bà Cao Thị Thùy D đứng tên thuộc sở hữu của bà Cao Thị Thùy D;

- Thừa đất số: 1402-72, tờ bản đồ số 06, phường Tân P, Q 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AK 387220, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T00720/4a do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/10/2007, cập nhật đăng bộ ngày 20/6/2016 do bà Cao Thị Thùy D đứng tên thuộc sở hữu của bà Cao Thị Thùy D;

- Một chiếc xe ô tô Hiệu J.. số máy: 1013154306P8; số khung: 26A4G8V93422; số loại: XJL; Biển số 51F-651... do bà Cao Thị Thùy D đứng tên thuộc sở hữu của bà Cao Thị Thùy D.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Cao Thị Thùy D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 279.650.672đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 59.000.000đ (năm mươi chín triệu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004117 ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh) và 56.000.000đ (năm mươi sáu triệu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001512 ngày 31 tháng 05 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh). Bà D còn phải nộp thêm 164.650.672đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

II. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Thái Phấn T phải nộp 300.000 đồng; được khấu trừ theo theo Biên lai thu số 0070633 ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

III. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Ý

Đinh Ngọc Thu Hương - Phạm Văn Công

Nơi nhận:

- TANDTC;
- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- THADS TP. HCM;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS, NTTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý

